

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN CHỢ MỚI  
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 115 /2017/HNGĐ-ST  
Ngày: 28.7.2017.  
V/v tranh chấp “*Ly hôn*”

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG**

***Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Ngọc Trang.
- Các Hội thẩm nhân dân:
  1. Bà Hoàng Thị Thiện Lai
  2. Ông Trương Phước Công.
- Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Châu Vũ Sơn
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang: Ông Bùi Quốc Nam - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2017 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 459/2016/TLST- HNGĐ ngày 17 tháng 10 năm 2016 về việc tranh chấp: “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 118/2017/QĐST-HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Cẩm V, sinh năm 1987. (Có mặt).  
Địa chỉ: Ấp P2, xã KT, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.
2. Bị đơn: Anh Phạm Văn L, sinh năm 1979 ( Có mặt).  
Địa chỉ: Ấp LQ, xã LK, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Trong đơn khởi kiện ngày 05.10.2016, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Bùi Thị Cẩm V trình bày: Chị và anh L do người mai mối, cha mẹ đồng ý tổ chức lễ cưới năm 2004, có đăng kết hôn tại UBND xã LK, quá trình chung sống vợ chồng thường hay mâu thuẫn. Nguyên nhân do anh L tính tình hung dữ, chửi bới, cờ bạc, rượu chè không có trách nhiệm lo cho vợ con và hay ghen. bắt đồng quan điểm, anh L về nhà cha mẹ ruột từ tháng 10.2016 đến nay. Nay tình cảm không còn chị xin ly hôn với anh L.

\* Về con chung: Có 02 con chung Phạm Thị Cẩm T, sinh ngày 19.4.2006 và Phạm Thị Ngọc T, sinh ngày 17.10.2009 hiện nay sống chung với chị khi ly

hôn chị yêu cầu được tiếp tục nuôi con, không yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con.

\* Về tài sản chung: Có 01 căn nhà sàn, khung gỗ bạch đàn, máy tol, loại nhà ở tạm dưới cấp 4, ngang 4m dài 7m trên phần đất của cha mẹ chị V, hiện nay chị đang sở hữu, 01 chiếc xe Honda AIRBLADE biển số 67L- 23642 do chị đứng tên hiện anh L đang sử dụng và một số tài sản khác như trong biên bản hòa giải ngày 01.12.2016, chị yêu cầu chia đôi.

\* Về nợ chung: Không có.

Tại các tờ tường trình và biên bản hòa giải anh L trình bày: về thời gian kết hôn, quá trình chung sống thống nhất như chị V trình bày. Về mâu thuẫn gia đình thì vợ chồng không có mâu thuẫn, vẫn hạnh phúc như mọi người, chị V đi hát ca anh không đồng ý có khuyên nhiều lần nhưng vợ không sửa mà xin ly hôn, anh không đồng ý ly hôn.

Về tài sản như chị V trình bày anh yêu cầu chia đôi.

Về con chung có 2 đứa như chị V trình bày, hiện nay đang sống với chị V, nếu ly hôn anh L yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu chị V cấp dưỡng nuôi con.

Tòa án hòa giải nhưng các đương sự không thỏa thuận được.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Chị Bùi Thị Cẩm V xin ly hôn với anh Phạm Văn L có nơi cư trú ấp LQ, xã LK, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng theo quy định tại điều 28, 35, 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Chị V và anh L do người mai mối dẫn đến kết hôn vào năm 2004, có đăng ký kết hôn, chung sống đến tháng 10 năm 2016 thì không còn chung sống đến nay. Chị V xin ly hôn, Tòa án hòa giải nhiều lần chị V cương quyết ly hôn, anh L cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn nhiều nhưng do chị V không thay đổi cách sống, thích ca hát vui chơi nên cuộc sống không còn hạnh phúc, anh đồng ý ly hôn, do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 công nhận sự thuận tình ly hôn của anh chị.

[3] Về con chung: Có 2 con chung Phạm Thị Cẩm T, sinh ngày 19.4.2006 và Phạm Thị Ngọc T, sinh ngày 17.10.2009 hiện nay sống chung với chị V, chị V yêu cầu được tiếp tục nuôi con, anh L không đồng ý, anh yêu cầu được nuôi con. Xét thấy từ khi anh chị không còn chung sống 2 cháu Cẩm Tiên và Ngọc Tiên sống với chị V, cuộc sống ổn định, hai cháu phát triển bình thường về thể chất và tinh thần. Căn cứ Khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 “ Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi về mọi mặt của con; nếu con từ đủ 07 tuổi trở lên thì phải xem xét nguyện vọng của con”. Hai cháu Cẩm Tiên, Ngọc Tiên có tự khai trình bày nguyện vọng muốn được tiếp tục sống với mẹ, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị V,

giao chị tiếp tục nuôi dưỡng 2 con chung Phạm Thị Cẩm T, sinh ngày 19.4.2006 và Phạm Thị Ngọc T, sinh ngày 17.10.2009. Chị V không có yêu cầu anh L cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Về tài sản chung: Tại các biên bản hòa giải chị V, anh L có yêu cầu chia tài sản, tòa án đã tiến hành xem xét thẩm định tại chỗ và định giá tài sản, nhưng tại biên bản hòa giải ngày 14.7.2017 anh chị thống nhất không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản của chị V và anh L. Nếu sau này chị V và anh L có yêu cầu Tòa án sẽ giải quyết bằng vụ án khác.

[5] Về nợ chung: Ghi nhận anh, chị trình bày là không có. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

[6] Ý kiến đại diện Viện kiểm sát: Chị V xin ly hôn, anh L đồng ý, căn cứ Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình công nhận sự thuận tình ly hôn.

Về con chung: Hiện tại cháu Ngọc Tiên và Cẩm Tiên đang sống với chị V, vẫn phát triển bình thường về thể chất, tinh thần và nguyện vọng của các cháu muốn sống chung với chị V. Để ổn định cuộc sống cho các cháu nên để chị V tiếp tục chăm sóc, nuôi dạy các cháu.

Về tài sản chung: Trước đây vợ chồng yêu cầu chia tài sản chung, nhưng sau đó không yêu cầu Tòa án giải quyết nên đình chỉ phần yêu cầu này.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; chị Nguyễn Thị Kim Liên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH :**

Căn cứ Điều 55, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 39, 144, 147, 156, 157, 273 Bộ luật tố tụng dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2015; Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

1- Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Bùi Thị Cẩm V và anh Phạm Văn L.

2- Về con chung: Chị Bùi Thị Cẩm V được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục hai con Phạm Thị Cẩm T, sinh ngày 19.4.2006 và Phạm Thị Ngọc T, sinh ngày 17.10.2009. Anh Phạm Văn L không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh Phạm Văn L không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được ngăn cản anh thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay mức cấp dưỡng nuôi con.

3- Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia tài sản của chị Bùi Thị Cẩm V và anh Phạm Văn L.

4- Về án phí:

Chị Bùi Thị Cẩm V phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng án phí 1.100.000 đồng (Một triệu một trăm ngàn đồng) chị V đã nộp theo biên lai số 0004616 ngày 17.10.2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới. Chị V được nhận lại 800.000đ (Tám trăm ngàn đồng).

Chị V phải chịu tiền chi phí xem xét thẩm định và định giá tài sản là 1.473.000đ (Một triệu bốn trăm bảy mươi ba ngàn đồng), chị đã nộp đủ.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã LK, huyện Chợ Mới.
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Ngọc Trang**



*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 9, khoản 2 Điều 53, Điều 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình 2014; Điều 28, 35, 39, 144, 147, 273 Bộ luật tố tụng dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2015; Pháp lệnh số 10/2009/PL – UBTVQH 12 ngày 27.02.2009 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí, lệ phí Tòa án.

### **Xử:**

- Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận chị **Lê Thị Màng** và anh **Dương Tấn Dương** là vợ chồng.

- Về quan hệ con chung: Chị **Lê Thị Màng** được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung tên **Dương Lê Thảo Vy**, sinh ngày 24.12.2011; anh **Dương Tấn Dương** không phải cấp dưỡng nuôi con.

Anh **Dương Tấn Dương** không trực tiếp nuôi con chung nhưng có quyền tới lui thăm nom con chung, không ai được ngăn cản anh thực hiện quyền này.

Vì lợi ích của con chung, khi cần thiết một hoặc cả hai bên có quyền yêu cầu Tòa án thay đổi việc nuôi con hay việc cấp dưỡng nuôi con.

- Về quan hệ tài sản chung: Không có.

- Về nợ chung: Ghi nhận chị **Lê Thị Màng** trình bày là không có. Nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có nguyên đơn khởi kiện xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì anh chị vẫn phải liên đới chịu trách nhiệm với tư cách đồng bị đơn trong vụ án dân sự khác.

- Về án phí:

Chị **Lê Thị Màng** phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm 200.000 đồng (Hai trăm ngàn đồng) được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí 200.000 đồng (Hai

trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0004911 ngày 22.12.2016 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tổng đạt hợp lệ bản án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Ngọc Trang**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Thiện Lai – Trương Phước Công**

**Dương Ngọc Trang**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Hoàng Thị Thiện Lai – Trương Phước Công**

**Dương Ngọc Trang**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- UBND xã Long Điền B;
- Các đương sự;
- Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Dương Ngọc Trang**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**Dương Ngọc Trang**  
**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Lý Văn Thao – Hoàng Thị Tiệp Lai**

**Dương Ngọc Trang**





Nơi nhận:  
**THẨM**

-TAND tỉnh An Giang;

**TÒA**

-VKSND huyện Chợ Mới;

-Chi cục THADS huyện Chợ Mới;

-Các đương sự;

-Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

**Võ Văn Vũ**

**TÒA**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

**Võ Văn Vũ**

Nơi nhận:  
**THẨM**

-TAND tỉnh An Giang;

**TÒA**

-VKSND huyện Chợ Mới;

-Chi cục THADS huyện Chợ Mới;

-Các đương sự;

-Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

**Đặng Văn Kiệt**

**TÒA**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

**Lý Văn Thao    Phan Thị Nga**

**Đặng Văn Kiệt**







Nơi nhận:

**THẨM**

-TAND tỉnh An Giang;

**TÒA**

-VKSND huyện Chợ Mới;

-Chi cục THADS huyện Chợ Mới;

-Các đương sự;

-Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

**Đặng Văn Kiệt**

**TÒA**

**HỘI THẨM NHÂN DÂN**

**THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN**

**Lý Văn Thao    Đặng Thị Kim Xuyên**

**Đặng Văn Kiệt**

Nơi nhận:

**THẨM**

-TAND tỉnh An Giang;

**TÒA**

-VKSND huyện Chợ Mới;

-Chi cục THADS huyện Chợ Mới;

-Các đương sự;

-Lưu.

**TM . HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ**

**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN**

**Trần Hoàng Vũ**

*Hướng dẫn sử dụng mẫu bản án sơ thẩm.:*

Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo bản hướng dẫn này được soạn thảo theo tinh thần quy định tại Điều 238 của Bộ luật tố tụng dân sự. Mẫu bản án sơ thẩm kèm theo hướng dẫn này được sử dụng cho tất cả các Tòa án khi xét xử sơ thẩm các tranh chấp về dân sự, hôn nhân và gia đình, kinh doanh, thương mại, lao động. Tuy nhiên, cần lưu ý là việc ghi số, ký hiệu và trích yếu trong bản án sơ thẩm phải thực hiện theo đúng hướng dẫn tại mục 2 Phần 1 Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31/3/2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Sau đây là những hướng dẫn cụ thể để việc sử dụng mẫu bản án sơ thẩm kèm theo:

(1) Nếu là Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh thì ghi rõ tên Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Tòa án nhân dân huyện Từ Liêm thành phố Hà Nội); nếu là Tòa án

nhân dân tỉnh thành phố trực thuộc Trung ương thì ghi Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) nào (ví dụ: Toà án nhân dân tỉnh Hà Tây).

(2) Ô thứ nhất ghi số bản án, ô thứ hai ghi năm ra bản án theo đúng tinh thần hướng dẫn của Chính phủ về cách ghi số văn bản, ô thứ ba ghi ký hiệu loại bản án theo hướng dẫn tại mục 2 Phần I Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31/3/2005 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao (ví dụ: Nếu là bản án giải quyết tranh chấp về hôn nhân và gia đình năm 2005 có số 108 thì ghi: Số. 108/2005/HNGĐ-ST).

(3) Ghi ngày, tháng, năm tuyên án không phân biệt vụ án được xét xử sơ thẩm và kết thúc trong một ngày hay được xét xử sơ thẩm trong nhiều ngày.

(4) Ghi đúng theo việc ghi trích yếu được hướng dẫn tại mục 2 Phần I Nghị quyết số 01/2005/NQ-HĐTP ngày 31/3/2005 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao.

(5) Ghi như hướng dẫn tại điểm (1).

(6) Nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm ba người, thì chỉ đủ họ và tên của Thẩm phán Chủ tọa phiên toà, bỏ dòng "Thẩm phán...", đối với Hội thẩm nhân dân chỉ ghi họ và tên của hai Hội thẩm nhân dân; nếu Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có năm người, thì ghi họ và tên của Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà, họ và tên của Thẩm phán, họ và tên của cả ba Hội thẩm nhân dân. Cần chú ý là không ghi chức vụ của Thẩm phán; chức vụ, nghề nghiệp của Hội thẩm nhân dân.

(7) Ghi họ tên của Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà và tên của Tòa án, nơi Thư ký Tòa án công tác như hướng dẫn tại điểm (1).

(8) Nếu có Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên toà thì ghi như hướng dẫn lại điểm (1) song đổi các chữ "Toà án nhân dân" thành "Viện kiểm sát nhân dân".

(9) Trong trường hợp vụ án được xét xử và kết thúc trong một ngày thì bỏ hai chữ "Trong các" (ví dụ: Ngày 15 tháng 3 năm 2005 tại...).

Trong trường hợp vụ án được xét xử trong hai ngày trở lên, nếu số ngày tương đối ít thì có thể ghi đủ số ngày (ví dụ: Trong các ngày 3, 4 và 5 tháng 3...); nếu số ngày nhiều liền nhau thì ghi từ ngày đến ngày (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 7 đến 11 tháng 3 năm ....); nếu khác tháng mà xét xử liên tục thì ghi từ ngày... tháng... đến ngày... tháng... (ví dụ: Trong các ngày từ ngày 28-2 đến ngày 02-3 năm...), nếu không xét xử liên tục thì ghi các ngày của từng tháng (Ví dụ: Trong các ngày 30, 31 tháng 3 và các ngày 04, 05 tháng 4 năm...).

(10) Nếu xét xử kín thì thay hai chữ "công khai" bằng chữ "kín".

(11) Ô thứ nhất ghi số thụ lý, ô thứ hai ghi năm thụ lý và ô thứ ba nếu là tranh chấp về dân sự thì ghi "DS"; nếu là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thì ghi "HNGĐ"; nếu là tranh chấp về kinh doanh, thương mại thì ghi "KDTM"; nếu là tranh chấp về lao động thì ghi "LĐ" (ví dụ: số 18/2005/TLST-HNGĐ).

(12) Ghi như hướng dẫn tại điểm (4).

(13) Nguyên đơn là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ cư trú. Nếu nguyên đơn là người chưa thành niên thì sau họ tên cần ghi thêm ngày, tháng, năm sinh.

Nguyên đơn là cơ quan, tổ chức thì ghi tên cơ quan, tổ chức và địa chỉ của cơ quan, tổ chức đó.

(14) Chỉ ghi khi có người đại diện hợp pháp của nguyên đơn và ghi họ tên, địa chỉ cư trú; ghi rõ là người đại diện theo pháp luật hay là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn; nếu là người đại diện theo pháp luật thì đã ghi chú trong ngoặc đơn quan hệ giữa người đó với nguyên đơn; nếu là người đại diện theo uỷ quyền thì còn ghi chú trong ngoặc đơn: "văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...".

Ví dụ 1: ông Nguyễn Văn A trú tại... là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn (Giám đốc Công ty TNHH Thặng Lợi).

Ví dụ 2: Bà Lê Thị B trú tại... là người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn (Văn bản uỷ quyền ngày... tháng... năm...).

(15) Chỉ ghi khi có người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn.

Ghi họ tên, địa chỉ cư trú (nếu là luật sư thì ghi là luật sư của Văn phòng luật sư nào và thuộc Đoàn luật sư nào); nếu có nhiều nguyên đơn thì ghi cụ thể bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nguyên đơn nào.

(16) và (19) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (13).

(17) và (20) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (14).

(18) và (21) Ghi tương tự như hướng dẫn tại điểm (15) .

(22) và (23) Ghi họ tên, địa chỉ nơi làm việc (nếu không có nơi làm việc thì ghi địa chỉ cư trú).

(24) Trong phần này ghi quan hệ được xác lập giữa các đương sự dẫn đến có tranh chấp; các vấn đề cụ thể mà người khởi kiện yêu cầu Toà án giải quyết; yêu cầu phản tố (nếu có) và đề nghị cụ thể của bị đơn; yêu cầu độc lập và đề nghị của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan (chú ý không mô tả diễn biến sự việc theo lời trình bày của các đương sự).

Ví dụ 1: Trong đơn khởi kiện ngày... tháng... năm... (được bổ sung ngày... tháng... năm..., nếu có). nguyên đơn là... trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn là... có giao kết hợp đồng kinh doanh thương mại về vận chuyển hàng hoá. Do bị đơn vi phạm nghĩa vụ thực hiện hợp đồng, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bị đơn: (các yêu cầu cụ thể).

Tại văn bản phản tố ngày... tháng... năm... (hoặc tại văn bản ngày... tháng... năm..., hoặc tại phiên toà sơ thẩm) bị đơn có yêu cầu, đề nghị Tòa án giải quyết (các yêu cầu, đề nghị cụ thể).

Tại văn bản ngày... tháng... năm... (hoặc tại phiên toà sơ thẩm) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là... (nếu có) có yêu cầu độc lập, đề nghị: (các yêu cầu, đề nghị cụ thể).

Ví dụ 2: Trong đơn khởi kiện (đơn xin ly hôn) ngày... tháng... năm... (được bổ sung ngày tháng... năm.... nếu có) nguyên đơn là... trình bày giữa nguyên đơn và bị đơn là... đăng ký kết hôn ngày... tháng... năm... Do tình trạng hôn nhân ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết (các yêu cầu cụ thể: ly hôn, nuôi con, chia tài sản chung...).

Tại văn bản ngày... tháng... năm... (hoặc tại phiên toà sơ thẩm bị đơn là... có yêu cầu đề nghị Tòa án giải quyết (các yêu cầu, đề nghị cụ thể).

Tại văn bản ngày... tháng... năm... (hoặc tại phiên toà sơ thẩm) người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án là...(nếu có) có yêu cầu độc lập, đề nghị các yêu cầu, đề nghị cụ thể).

(25) Trong phần này ghi nhận định của Tòa án, phải phân tích những căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận lòng yêu cầu, đề nghị cụ thể của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát (nếu có). Căn viện dẫn điểm, khoản và điều luật của văn bản quy phạm pháp luật mà Tòa án căn cứ để chấp nhận hoặc không chấp nhận.

(26) Trong phần này ghi áp dụng điểm, khoản, điều luật của văn bản quy phạm pháp luật mà Tòa án căn cứ để ra quyết định. Ghi các quyết định của Tòa án về tổng vấn đề

phải giải quyết trong vụ án. về án phí và quyền kháng cáo đối với bản án; trường hợp có quyết định phải thi hành ngay thì phải ghi rõ quyết định đó.

(27) Phần cuối cùng của bản án. nếu là bản án gốc được thông qua tại phòng nghị án thì cần phải có đầy đủ chữ ký, họ và tên của các thành viên Hội đồng xét xử (bản án này phải lưu vào hồ sơ vụ án); nếu là bản án chính để gửi cho các đương sự, cơ quan, tổ chức khởi kiện và Viện kiểm sát cùng cấp thì còn ghi như sau:

**Nơi nhận:**

*(Ghi những nơi mà Tòa án cấp sơ thẩm phải giao hoặc gửi bản án theo quy định tại Điều 241 của Bộ luật tố tụng dân sự và những nơi cần lưu bản chính).*

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

*(Ký tên và đóng dấu của Tòa án)*

(Họ và tên)